Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 31/07/2023 08:43:39

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /NQ-HĐND	*Đức Phổ, ngày 19 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
KHÓA I – KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra số 126/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh giảm: Tổng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh giảm là 500 triệu đồng (Kè ngăn nước cầu đường sắt ở xã Phổ Châu và đưa ra khỏi kế hoạch trung hạn 2021-2025).

2. Điều chỉnh tăng: Tổng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh tăng là 2.268,6 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung tăng cho 02 dự án khởi công mới theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi *(tuyến đường QL1A đi xóm 7 Hồ Diên Trường (Phổ Khánh); Kênh tiêu Đầm Bàu - Tấn Lộc (Phổ Châu))*: 1.768,6 triệu đồng.

- Bổ sung cho dự án khởi công mới *(Kênh tiêu Đầm Bàu - Bãi Lố, Vĩnh Tuy(Phổ Châu) (giai đoạn 3))*: 500 triệu đồng.

(Chi tiết cụ thể có phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Các nội dung khác tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2023) thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các phòng: TC-KH, QLĐT, KT;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Văn phòng HĐND và UBND thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Kiên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND thị xã)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt									Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
																		Tăng				Giảm				
																		Tổng tăng	Trong đó:			Tổng giảm	Trong đó:			
																			NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác		NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác	
					166.861	135.281,60	15.105,4	16.474,0	166.861,0	135.281,60	15.105,4	16.474,0	168.629,6	136.696,6	15.282,2	16.650,8	1.768,6	2.268,6	1.815,0	226,8	226,8	(500,0)	(400,0)	(50,0)	(50,0)	
I	**XÃ PHỔ AN**				**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**																									
	Kiên cố hóa kênh mương triền cát Quần Huân, hội An 1	1.100m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Cầu Bà Bộ đi Ba Gò thôn An Thạch	1.000m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Gò Tim đi trạm bơm, thôn Hội An 1	1.000m	2022	xã Phổ An	1.050,0	840,0	105,0	105,0	1.050,0	840,0	105,0	105,0	1.050,0	840,0	105,0	105,0	-									
	Kiên kế hóa kênh mương đội đội xóm 8, thôn An Thạch	700m	2022	xã Phổ An	840,0	672,0	84,0	84,0	840,0	672,0	84,0	84,0	840,0	672,0	84,0	84,0	-									
	Kiên cố hóa kênh mương N10 đi mương tiêu, đội 3, thôn An Thổ	900m	2022	xã Phổ An	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Triền cát, đội 7, thôn An Thổ	800m	2022	xã Phổ An	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	-									
	Tuyến kênh Gò Soáy đi mương tiêu đội 4, thôn An Thổ	800m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Bầu Đưng đi mương tiêu, thôn Hội An 2	1.100m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	-									
*	**Dự án khởi công mới 2023-2025**												-	-	-	-										
	Kiên cố hóa kênh mương Đội 5 đi Sông Thoa	800m	2023	xã Phổ An	875	700,0	87,5	87,5	875,0	700,0	87,5	87,5	875,0	700,0	87,5	87,5	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Hội An 2 đi Sông Thoa (giai đoạn 2)	800m	2023	xã Phổ An	875	700,0	87,5	87,5	875,0	700,0	87,5	87,5	875,0	700,0	87,5	87,5	-									
	Kiên cố hóa kênh mương Đội 6 đi Sông Thoa Gò Soáy đi mương tiêu đội 4, thôn An Thổ	800m	2023	xã Phổ An	958,6	766,9	95,9	95,9	958,6	766,9	95,9	95,9	958,6	766,9	95,9	95,9	-									
II	**XÃ PHỔ THUẬN**		**2022-2023**		**11.028,6**	**8.622,9**	**1.302,9**	**1.102,9**	**11.028,6**	**8.622,9**	**1.302,9**	**1.102,9**	**11.028,6**	**8.622,9**	**1.302,9**	**1.102,9**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**		**2022**																							
	KCH kênh từ Rộc Lữ - Nã Gò xuống mương Cầu Vinh Hiển (giai đoạn 1)	355m	2022	xã Phổ Thuận	906,75	725,4	90,7	90,7	906,8	725,4	90,7	90,7	906,75	725,4	90,7	90,7	-									
	KCH Kênh sau Nhà bà Thu - Kênh N8 Bis (giai đoạn 1)	635m	2022	xã Phổ Thuận	898,75	719,0	89,9	89,9	898,8	719,0	89,9	89,9	898,75	719,0	89,9	89,9	-									
*	**Dự án khởi công mới năm 2023-2025**																-									
	KCH kênh từ Rộc Lữ - Nã Gò xuống mương Cầu Vinh Hiển (giai đoạn 2)	654m	2023	xã Phổ Thuận	1.100	880,0	110,0	110,0	1.100	880,0	110,0	110,0	1100	880,0	110,0	110,0	-									
	KCH Kênh từ kênh N8 - Vườn ông Tinh	1032m	2023	xã Phổ Thuận	1.200	960,0	120,0	120,0	1.200	960,0	120,0	120,0	1200	960,0	120,0	120,0	-									
	KCH Kênh từ nhà ông Lễ - Đường xe lửa	932m	2023	xã Phổ Thuận	1.153	922,4	115,3	115,3	1.153	922,4	115,3	115,3	1153	922,4	115,3	115,3	-									

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt									Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
																		Tăng				Giảm				
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Tổng	Trong đó:			Tổng	Trong đó:			
	KCH Kênh từ đồng Ga trong - Đồng Ga ngoài	550m	2023	xã Phổ Thuận	1.265	1.012,0	126,5	126,5	1.265	1.012,0	126,5	126,5	1265	1.012,0	126,5	126,5	-									
	KCH Kênh từ Phạm Tiến An - Mười Giao	533m	2023	xã Phổ Thuận	1.150	920,0	115,0	115,0	1.150	920,0	115,0	115,0	1150	920,0	115,0	115,0	-									
	KCH Kênh từ Kênh N10+1 đi Đình Tế (giai đoạn 1)	619m	2023	xã Phổ Thuận	810,6	648,5	81,1	81,1	811	648,5	81,1	81,1	810,6	648,5	81,1	81,1	-									
	KCH Kênh từ nhà ông Đông - Cống Bàu Lát (giai đoạn 1)	237m	2023	xã Phổ Thuận	544,5	435,6	54,5	54,5	545	435,6	54,5	54,5	544,5	435,6	54,5	54,5	-									
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thiệp Sơn	660 m^2	2023	xã Phổ Thuận	1.000	700	200	100	1.000	700,0	200,0	100,0	1000	700,0	200,0	100,0	-									
	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Định	660 m^2	2023	xã Phổ Thuận	1.000	700	200	100	1.000	700,0	200,0	100,0	1000	700,0	200,0	100,0	-									
III	**XÃ PHỔ PHONG**				**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**																									
	Tuyến đường từ nhà Lê Tây (Van Trung) đi giáp QL24	L=576m	2022	xã Phổ Phong	576,0	460,8	57,6	57,6	576,0	460,8	57,6	57,6	576,0	460,8	57,6	57,6	-									
*	**Dự án khởi công mới năm 2023-2025**									-	-	-					-									
	Tuyến Vĩnh Xuân nam đi Thôn Thanh Bình-Phổ Thuận	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Tuyến Lê Tiếp đi Đức Tân (giai đoạn 2)	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Tuyến Lê Tây đi giáp QL24 (giai đoạn 2)	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	802,0	641,6	80,2	80,2	802,0	641,6	80,2	80,2	802,0	641,6	80,2	80,2	-									
	Tuyến Cầu Sộp – nhà ông Tùng (thôn Tân Phong)	1000m	2023-2025	xã Phổ Phong	1.000,0	800,0	100,0	100,0	1.000,0	800,0	100,0	100,0	1.000,0	800,0	100,0	100,0	-									
	Ngõ Trương Quang Thư – đường bê tông số 8 Hùng Nghĩa (thôn Hùng Nghĩa)	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Tuyến nhà bà Nhung đi giáp đường Lê Tây QL24	600m	2023-2025	xã Phổ Phong	600,0	480,0	60,0	60,0	600,0	480,0	60,0	60,0	600,0	480,0	60,0	60,0	-									
	Tuyến kênh ngõ Trần Quýt (Hùng Nghĩa) đi đồng cây xanh (Hiệp An)	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Kênh Thạch Nham đi cầu ông Bình (Hiệp An)	800m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Tuyến kênh cầu Bộ Đội Km8 đi đồng Tư Sơn (Van Trung)	500 m	2023-2025	xã Phổ Phong	500,0	400,0	50,0	50,0	500,0	400,0	50,0	50,0	500,0	400,0	50,0	50,0	-									
	Tuyến Kênh ngõ Năm Tâm đi đồng Lỗ Mây (Gia An)	800 m	2023-2025	xã Phổ Phong	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	800,0	640,0	80,0	80,0	-									
	Tuyến kênh Ao Đạt đi Trương Thái Thanh (Van Trung)	1.000 m	2023-2025	xã Phổ Phong	1.000,0	800,0	100,0	100,0	1.000,0	800,0	100,0	100,0	1.000,0	800,0	100,0	100,0	-									
	Tuyến kênh đầu nối kênh B2.1.4 đến cống ông Sâm (Tân Phong)	700 m	2023-2025	xã Phổ Phong	700	560	70	70	700,2	560,2	70,0	70,0	700,2	560,2	70,0	70,0	-									
	Đập Quờn - Ngõ Mai - Ngõ Ba Nhân (Hùng Nghĩa)	800 m	2023-2025	xã Phổ Phong	800	640	80	80	800,4	640,3	80,0	80,0	800,4	640,3	80,0	80,0	-									
IV	**XÃ PHỔ CƯỜNG**				**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	**10.778,6**	**8.622,9**	**1.077,9**	**1.077,9**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**																									
	Xây dựng đập dâng suối xóm 1, thôn Thủy Thạch	L=5m	2022	xã Phổ Cường	576,00	460,8	58	58	576,0	460,8	57,60	57,6	576,0	460,8	57,6	57,6	-									
*	**Dự án khởi công mới năm 2023-2025**												-													
	KCH tuyến kênh từ Ao Vuông - Nhà ông Liệu	0,5m	2023-2025	xã Phổ Cường	912,6	730,1	91	91	912,6	730,1	91,26	91,3	912,6	730,1	91,3	91,3	-									
	KCH tuyến kênh đồng Cần Cung - đồng Gò Đá	0,8m	2023-2025	xã Phổ Cường	1.100,0	880,0	110	110	1.100,0	880,0	110,00	110,0	1.100,0	880,0	110,0	110,0	-									

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt									Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
																		Tăng				Giảm				
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Tổng	Trong đó:			Tổng	Trong đó:			
	Tuyến đường Mỹ Trang đi Lâm Bình (đoạn từ QL1- giáp đường tránh đông)	1,85km	2023-2025	xã Phổ Cường	3.450,0	2.760,0	345	345	3.450,0	2.760,0	345,00	345,0	3.450,0	2.760,0	345,0	345,0	-									
	Tuyến đường từ cầu đập Làng Nam đi KDC 6 Thanh Sơn - Đường công vụ hồ Huân Phong.	2,5km	2023-2025	xã Phổ Cường	4.740,0	3.792,0	474	474	4.740,0	3.792,0	474,00	474,0	4.740,0	3.792,0	474,0	474,0	-									
V	**XÃ PHỔ NHƠN**				**32.637**	**22.562**	**4.393**	**5.683**	**32.637**	**22.562**	**4.393**	**5.683**	**32.637**	**22.562**	**4.393**	**5.683**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	**Dự án khởi công mới năm 2021**		**2021**																							
	Tuyến Trạm xá - Vườn dinh (giai đoạn 2)	717m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	-									
	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi nhà ông Phụng (giai đoạn 2)	773m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	-									
	Tuyến từ Ngã tư Phước Hạ đi Đá Mống	890m	2021	xã Phổ Nhơn	900	630,0	180,0	90,0	900,0	630,0	180,0	90,0	900,0	630,0	180,0	90,0	-									
	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi Dốc Vay, Dốc Tra	770m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	-									
	Tuyến từ vườn Chôm Chôm đi nhà Nguyễn Tâm (Phước Lợi)	629m	2021	xã Phổ Nhơn	1.110	778,0	222,0	110,0	1.110,0	778,0	222,0	110,0	1.110,0	778,0	222,0	110,0	-									
	Tuyến từ ngõ Trần Sâm - Cầu Máng Trên (Nhơn Tân cũ)	630m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	-									
	Tuyến Thủ kỳ Phước Nhơn đi Nhơn Tân (Gò Kỳ - nhà Chín Lê)	792m	2021	xã Phổ Nhơn	1.120	783,8	224,0	112,0	1.119,8	784	224,0	112,0	1.119,8	783,8	224,0	112,0	-									
	Tuyến từ Trường Mẫu giáo thôn An Tây (cũ) đi nhà ông Sắc	585m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	1.100,0	770,0	220,0	110,0	-									
	Tuyến từ ngõ Phước Điền - giáp đường mương Bữu, đồi cổ	650m	2021	xã Phổ Nhơn	1.052	741,0	212,0	99,0	1.052,0	741,0	212,0	99,0	1.052,0	741,0	212,0	99,0	-									
	Tuyến từ nhà Chính Nghĩa - Sân Vận động và khu thể thao của xã	590m	2021	xã Phổ Nhơn	844	595,0	170,0	79,0	844,0	595,0	170,0	79,0	844,0	595,0	170,0	79,0	-									
	Tuyến từ đường bê tông Phổ Thuận - Phổ Nhơn đi nhà ông Hiếu	810m	2021	xã Phổ Nhơn	800	560,1	160,0	80,0	800,2	560,1	160,0	80,0	800,2	560,1	160,0	80,0	-									
	Tuyến từ Phước Thượng đi Nhơn Tân (Nhà Văn hóa đi Ngõ Sau)	732m	2021	xã Phổ Nhơn	1.075	752,7	215,1	107,5	1.075,3	752,7	215,1	107,5	1.075,3	752,7	215,1	107,5	-									
	Tuyến từ Dốc Đá Phổ Ninh - Nhà ông Tròn thôn An Lợi (từ Trường Mẫu giáo đến Đồng Tường)	620m	2021	xã Phổ Nhơn	900	630,0	180,0	90,0	900,0	630,0	180,0	90,0	900,0	630,0	180,0	90,0	-									
	Tuyến đường từ đường dẫn Đập Mỏ Côi đi nhà ông Hiếu	402m	2021	xã Phổ Nhơn	657	460,0	131,4	65,7	657,1	460,0	131,4	65,7	657,1	460,0	131,4	65,7	-									
	Tuyến Thi Khoa (An Điền) đi Gò Gai (An Tây) (giai đoạn 3)	610m	2021	xã Phổ Nhơn	1.000	500,0	100,0	400,0	1.000,0	500,0	100,0	400,0	1.000,0	500,0	100,0	400,0	-									
	Tuyến từ nhà bà Tự đi trường Tiểu học Phổ Nhơn (điểm Nhơn Tân cũ)	653m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	550,0	110,0	440,0	1.100,0	550,0	110,0	440,0	1.100,0	550,0	110,0	440,0	-									
	Tuyến từ ngã ba nhà ông Chút đến góc đá Lỗ Tranh (Nhơn Bích)	413m	2021	xã Phổ Nhơn	628	314,0	62,8	251,2	628,0	314,0	62,8	251,2	628,0	314,0	62,8	251,2	-									
	Tuyến cầu Suối Đục đi Dinh Bà (gđ 2)	504m	2021	xã Phổ Nhơn	850	425,0	85,0	340,0	850,0	425,0	85,0	340,0	850,0	425,0	85,0	340,0	-									
	Tuyến từ nhà ông Thinh đi nhà Mười Phương	700m	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	550,0	110,0	440,0	1.100,0	550,0	110,0	440,0	1.100,0	550,0	110,0	440,0	-									
	Sân vận động và khu thể thao xã Phổ Nhơn	Diện tích san nền: 7.566,46 m2	2021	xã Phổ Nhơn	1.098	770,0	110,0	218,0	1.098,0	770,0	110,0	218,0	1.098,0	770,0	110,0	218,0	-									
	Nhà văn hóa thôn Tân Sơn	Diện tích sàn: 123,45m2	2021	xã Phổ Nhơn	800	480,0		320,0	800,0	480,0	-	320,0	800,0	480,0	-	320,0	-									
	Nhà văn hóa thôn Phước Lợi	Diện tích sàn: 123,45m2	2021	xã Phổ Nhơn	800	480,0		320,0	800,0	480,0	-	320,0	800,0	480,0	-	320,0	-									

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chệnh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:							
																		Tăng				Giảm			
																		Tổng	Trong đó:			Tổng	Trong đó:		
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy									
	Nghĩa trang nhân dân xã Phổ Nhơn	Diện tích san nền 2.125m2	2021	xã Phổ Nhơn	1.100	550,0		550,0	1.100,0	550,0	-	550,0	1.100,0	550,0	-	550,0	-								
*	**Dự án khởi công mới năm 2023-2025**		**2023-2025**										-	-	-	-	-								
	KCH kênh N7 đi Mương Ngang	1000m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.200,0	960,0	120	120	1.200,0	960,0	120,0	120	1.200,0	960,0	120,0	120,0	-								
	Tuyến từ nhà ông Cần đến phần Thâu	900m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.080,0	864,0	108	108	1.080,0	864,0	108,0	108	1.080,0	864,0	108,0	108,0	-								
	KCH mương vườn Tung đi Đồng chòi	1000m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.200,0	960,0	120	120	1.200,0	960,0	120,0	120	1.200,0	960,0	120,0	120,0	-								
	Tuyến kênh Trỗ Ngáng đi Đá Voi	900m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.082,5	866,0	108	108	1.082,5	866,0	108,3	108	1.082,5	866,0	108,3	108,3	-								
	KCH mương Bà Bông đi Bờ Mi - Đập Điền	1500m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.800,0	1.440,0	180	180	1.800,0	1.440,0	180,0	180	1.800,0	1.440,0	180,0	180,0	-								
	KCH tuyến kênh Hồ lỗ lá đến nhà ông Nhuận đi dốc bà buôn (gđ2)	1000m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.200,0	960,0	120	120	1.200,0	960,0	120,0	120	1.200,0	960,0	120,0	120,0	-								
	KCH Tuyến kênh từ nhà Ông thường đi thôn dồn điền đổi thửa	1200m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.440,0	1.152,0	144	144	1.440,0	1.152,0	144,0	144	1.440,0	1.152,0	144,0	144,0	-								
	KCH tuyến kênh: Cây xoài bà thích đi trên đồng cầu bè	1000m	2023-2025	xã Phổ Nhơn	1.200,0	960,0	120	120	1.200,0	960,0	120,0	120	1.200,0	960,0	120,0	120,0	-								
VI	**XÃ PHỔ CHÂU**				**3.285,25**	**2.628,20**	**328,53**	**328,53**	**3.285,25**	**2.628,20**	**328,53**	**328,53**	**4.169,55**	**3.335,70**	**416,93**	**416,93**	**884,30**	**1.384,30**	**1.107,50**	**138,40**	**138,40**	**-500,00**	**-400,00**	**-50,00**	**-50,00**	
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**																								
	Bể chứa nước công trình nước sinh hoạt thôn Châu Me	Diện tích 66m2	2022	xã Phổ Châu	576,00	460,8	58	58	576,0	460,8	58	58	576,0	460,8	58	58									
*	**Dự án khởi công mới năm 2023-2025**								-	-	-	-													
	Cầu ông Phú - Tân Lộc	cống hộp V2,5x2,5m	2023-2025	xã Phổ Châu	400,0	320,0	40	40	400,0	320,0	40	40	400	320	40	40									
	Kè ngăn nước cầu đường sắt	Lkè=100m. Cống kích thước 2x1,8m	2023-2025	xã Phổ Châu	500,0	400,0	50	50	500,0	400,0	50	50	-	-	-	-	(500)		-	-	-	(500)	(400)	(50)	(50)	Lý do chủ đầu tư đã thực hiện từ vốn thường
	Kênh tiêu Đầm Bàu- Bãi Lồ Vĩnh Tuy (giai đoạn 2)	L=480m	2023-2025	xã Phổ Châu	700,0	560,0	70	70	700,0	560,0	70	70	700	560	70	70									
	Đường Khu 2,3 đi Đèo Bình Đe thôn Hưng Long	L= 650m	2023-2025	xã Phổ Châu	1.109	887,4	111	111	1.109,3	887,4	111	111	1.109	887	111	111									
*	**Bổ sung dự án khởi công mới 2023-2025**																								
	Kênh tiêu Đầm Bàu - Bãi Lồ Vĩnh Tuy (GĐ 3)	L=200m	2023-2025	xã Phổ Châu	500,0	400,0	50,0	50,0					500	400,0	50,0	50,0	500,0	500,0	400,0	50,0	50,0					*Giảm công trình kè ngăn nước cầu đường sắt để bổ sung cho công trình này*
	Kênh tiêu Đầm Bàu - Tân Lộc	L=302m	2023-2025	xã Phổ Châu	884,375	707,5	88,4	88,4					884,3	707,5	88,4	88,4	884,3	884,3	707,5	88,4	88,4					*Bổ sung cho phù hợp với Quyết định 211/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của*
VII	**XÃ PHỔ KHÁNH**				**21.575**	**14.400**	**3.448**	**3.726**	**21.574**	**14.400**	**3.448**	**3.726**	**22.458,7**	**15.107,7**	**3.536,2**	**3.814,7**	**884,3**	**884,3**	**707,5**	**88,4**	**88,4**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	
*	**Dự án khởi công mới năm 2021**																								
	Xây dựng tuyến đường Quốc lộ 1 - Phước Điền.	584,92 m	2021	xã Phổ Khánh	1.112,8	779,0	223	111	1.112,8	779,0	223	111	1.112,8	779,0	223	111									

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chệnh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt									Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
																		Tăng				Giảm				
																		Tổng	Trong đó:			Tổng	Trong đó:			
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị	Ngân sách xã và huy										
	Tuyến QL1 - xóm 8B - Rừng Tre (giai đoạn 2).	281,4m	2021	xã Phổ Khánh	681,0	459,0	131	91	681,0	459,0	131	91	681	459,0	131	91										
	Tuyến đường từ xóm 33- xóm 31, Qui Thiện (giai đoạn 2).	653m	2021	xã Phổ Khánh	1.115,0	776,8	222	116	1.114,8	777	222	116	1.115	776,8	222	116										
	Tuyến cầu xóm 8B, Diên Trường - Xóm 9B, Phú Long.	700m	2021	xã Phổ Khánh	1.120,0	784,0	224	112	1.120,0	784	224	112	1.120	784,0	224	112										
	Tuyến Ngã tư xóm 32 - Đến điểm di tích Tàu Không Số, Qui Thiện.	690m	2021	xã Phổ Khánh	1.100,0	770,0	220	110	1.100,0	770,0	220	110	1.100	770,0	220	110										
	Tuyến đường từ chợ Trung tâm - Vườn Bạch - xóm 19, Trung Sơn	732m	2021	xã Phổ Khánh	1.080,0	756,0	216	108	1.080,0	756,0	216	108	1.080	756,0	216	108										
	Tuyến đường từ chợ Trung Tâm - Bàu Súng, Trung Sơn	527,2m	2021	xã Phổ Khánh	1.040,0	728,0	208	104	1.040,0	728,0	208	104	1.040	728,0	208	104										
	Tuyến đường QL1- xóm 5 - Nhà ông Năng Diên Trường (giai đoạn 2).	494,47m	2021	xã Phổ Khánh	1.026,0	718,2	205	103	1.026,0	718,2	205	103	1.026	718,2	205	103										
	Tuyến đường từ nhà ông Lên - Đập ông Sỹ, Vĩnh An.	710m	2021	xã Phổ Khánh	1.074,6	752,2	215	107	1.074,6	752,2	215	107	1.075	752,2	215	107										
	Tuyến đường QL1- xóm 4 - Nhà ông Năng, Diên Trường (giai đoạn 3).	572,7m	2021	xã Phổ Khánh	1.106,0	735,0	210	161	1.106,0	735,0	210	161	1.106	735,0	210	161										
	Tuyến đường nhà ông Lung xóm 13 - giáp tuyến đường cầu xóm 8B - xóm 9B.	727,1m	2021	xã Phổ Khánh	1.103,0	771,0	220	112	1.103,0	771,0	220	112	1.103	771,0	220	112										
	Tuyến đường xóm 20 Trung Sơn - xóm 15, Trung Hải.	612m	2021	xã Phổ Khánh	1.077,4	755,4	216	106	1.077,4	755,4	216	106	1.077	755,4	216	106										
	Tuyến xóm 14 nghĩa địa Trung Hải	585,8m	2021	xã Phổ Khánh	1.028,0	704,0	201	123	1.028,0	704,0	201	123	1.028	704,0	201	123										
	Tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Qui Thiện đi ra Biển	614,8m	2021	xã Phổ Khánh	1.140,0	798,0	228	114	1.140,0	798,0	228	114	1.140	798,0	228	114										
	Tuyến ngã 5 Phước Điền - xóm 27, Vĩnh An (giáp đường DH47)	811,3m	2021	xã Phổ Khánh	1.120,8	784,6	224	112	1.120,8	784,6	224	112	1.121	784,6	224	112										
	Đường Nội đồng cấp phối từ hạ lưu Cầu ông Vân - Cầu xóm 8B, Diên Trường; Đường xóm 8A- Cầu ông Vân	1370m	2021	xã Phổ Khánh	787,2	393,6	79	315	787,2	393,6	79	315	787	393,6	79	315										
	Tuyến đường từ xóm 8A, Diên Trường - xóm 19 - xóm 20, Trung Sơn.	589m	2021	xã Phổ Khánh	942,4	471,2	94	377	942,4	471,2	94	377	942	471,2	94	377										
	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã	Sân diện tích1.001,4	2021	xã Phổ Khánh	1.120,4	784,3	112	224	1.120,4	784,3	112	224	1.120	784,3	112	224										
	Nhà Văn hoa thôn Diên Trường	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Phú Long.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Trung Hải.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Trung Sơn.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Phước Điền.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Qui Thiện.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phổ Khánh	400,0	240,0	0	160	400,0	240,0	-	160	400	240,0	-	160										
*	**Bổ sung công trình Khởi công mới 2023-2025**																									*Bổ sung cho phù hợp với Quyết định 211/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh*
	Tuyến đường QL1A đi xóm 7 Hồ Diên Trường xã Phổ Khánh	750m	2023-2025	xã Phổ Khánh	884,375	707,5	88,4	88,4					884,3	707,5	88,4	88,4	884,3	884,3	707,5	88,4	88,4					
																	-									NTM 2025 sẽ phân khai danh mục chi tiết sau
VIII	**THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**				**42.000,0**	**42.000,0**			**42.000**	**42.000**			**42.000**	**42.000**			**0**									
IX	**Cấp nước sạch nông thôn**				**24.000**	**19.200**	**2.400**	**2.400**	**24.000**	**19.200**	**2.400**	**2.400**	**24.000**	**19.200**	**2.400**	**2.400**										
*	**Dự án khởi công mới năm 2022**																									
	HTCNSH xã Phổ Cường-Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ	14700 người	2022-2023	xã Phổ Khánh, Phổ Cường	24.000	19.200	2.400	2.400	24.000,0	19.200	2.400	2.400	24.000	19.200	2.400	2.400										

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1A
ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND thị xã)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt							
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Trong đó:							
																	Tăng				Giảm			
																	Tổng tăng	Trong đó:			Tổng giảm	Trong đó:		
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác		NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác
I	**XÃ PHỔ CHÂU**																				**-500,00**	**-400,00**	**-50,00**	**-50,00**
	Kè ngăn nước cầu đường sắt	Lkè=100m. Cống kích thước 2x1,8m	2023-2025	xã Phổ Châu	500,0	400,0	50	50	500,0	400,0	50	50	-	-	-	-		-	-	-	(500)	(400)	(50)	(50)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1 B
BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND thị xã)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 30/8/2022				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch so với kế hoạch trung hạn 2021-2025 được duyệt								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Trong đó:								
																	Tăng				Giảm				
																	Tổng tăng	Trong đó:			Tổng giảm	Trong đó:			
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác		NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác		NS TW, tỉnh	NS thị xã	NS xã và huy động khác	
																	2.268,6	1.815,0	226,8	226,8	-	-	-	-	
VI	XÃ PHỔ CHÂU																1.384,30	1.107,50	138,40	138,40	0	0	0	0	
*	Bổ sung dự án khởi công mới 2023-2025																								
	Kênh tiêu Đầm Bàu - Bãi Lồ Vĩnh Tuy (GĐ 3)	L=200m	2023-2025	Phổ Châu	500,0	400,0	50,0	50,0					500	400,0	50,0	50,0	500,0	400,0	50,0	50,0					*Giảm công trình kè ngăn nước cầu đường sắt để bổ sung cho công trình này*
	Kênh tiêu Đầm Bàu - Tấn Lộc	L=302m	2023-2025	Phổ Châu	884,375	707,5	88,4	88,4					884,3	707,5	88,4	88,4	884,3	707,5	88,4	88,4					*Bổ sung cho phù hợp với Quyết định 211/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh*
VII	XÃ PHỔ KHÁNH																884,3	707,5	88,4	88,4	0,0	0,0	0,0	0,0	
*	Bổ sung công trình Khởi công mới 2023-2025																								
	Tuyến đường QL1A đi xóm 7 Hồ Diên Trường xã Phổ Khánh	750m	2023-2025	Phổ Khánh	884,375	707,5	88,4	88,4					884,3	707,5	88,4	88,4	884,3	707,5	88,4	88,4					*Bổ sung cho phù hợp với Quyết định 211/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh*